TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0311/QĐ-PECC2

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành
"Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ"

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (QC.01.00.01/19);

Căn cứ Quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Đơn vị trong Công ty (QC.01.03.16/20);

Theo đề nghị của ông Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Phát triển và bà Kế toán trưởng Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ" của Công ty (QC.01.05.01/21).;

Điều 2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (QC.01.05.01/20) được ban hành kèm theo Quyết định số 885/QĐ-PECC2 ngày 31/7/2020 về việc Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;

Điều 3. Các Ông/Bà Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Đơn vị: Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Phát triển, Tài chính – Kế toán và Trưởng các Đơn vị có liên quan trong Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- HĐQT (để b/c);
- Ban TGĐ;
- Lưu: VT, P.TCKT, TR&D.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0300420... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Chơn Hùng

PECC2	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2	Mã số: QC.01.05.01/21
	ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ	Lần ban hành: 03
		Ngày hiệu lực: 31/3/2021
		Trang: 1/19

NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN PHỐI

Lưu Văn phòng	01
Đơn vị soạn thảo	01
Các đơn vị/cá nhân khác được phân phối bằng file điện tử (trên hệ thống website nội bộ Công ty) hoặc sử dụng tài liệu trên Web Hệ thống văn bản quản lý của PECC2	-
Tổng cộng	02

CHỦ TRÌ SOẠN THẢO: Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Phát triển, Phòng Tài chính Kế toán

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA
Chữ ký:	*Chữ ký:*
Họ và tên: **Lê Thanh Nghị** Chức vụ: **Phó phòng QLNC KH&UD**	Họ và tên: **Đào Minh Hiển** Chức vụ: **PGĐ TR&D**
Chữ ký:	*Chữ ký:*
Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền Trang** Chức vụ: **Chuyên viên P. TCKT**	Họ và tên: **Bùi Thị Ngọc Lý** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

THAM GIA XEM XÉT:

1. HĐQT;
2. TCKT, TR&D.

NGƯỜI DUYỆT

Chữ ký:

M.S.D.N: 0300420157 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 - QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Họ và tên: Nguyễn Chơn Hùng
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BẢNG THEO DÕI NHỮNG THAY ĐỔI

Lần ban hành	Điểm sửa đổi	Trang sửa đổi	Mục sửa đổi	Nội dung sửa đổi so với lần ban hành trước	Ghi chú
1				Ban hành lần thứ nhất	Ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-PECC2 ngày 08/01/2016
2				Cập nhật toàn bộ Điều lệ theo quy định hiện hành của Nhà nước.	Ban hành kèm theo Quyết định số 885/QĐ-PECC2 ngày 31/7/2020
3				Hiệu chỉnh lại các Điều 4, Điều 21 và Điều 25.	Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-PECC2 ngày / /2021

1. MỤC ĐÍCH

– Điều lệ quy định hình thức tổ chức, mục đích thành lập, cách thức tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2.

2. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

– Nghị định số 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/10/2014 về việc Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

– Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ tài chính ban hành ngày 28/06/2016 về việc Hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

– Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;

– Quy chế Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (QC.02.05.12);

– Các quy trình, quy chế, quy định nội bộ tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2.

3. CÁC TỪ VIẾT TẮT

- PECC2, Công ty : Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2;
- HĐQT : Hội đồng Quản trị;
- TGĐ : Tổng Giám đốc;
- KH&CN : Khoa học và Công nghệ;
- HĐKH&CN : Hội đồng khoa học và công nghệ của Công ty;
- TR&D : Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Phát triển;
- Phòng TCKT : Phòng Tài chính Kế toán;
- Phòng KD : Phòng Kinh doanh;
- TNDN : Thu nhập doanh nghiệp;
- Quỹ, Quỹ KH&CN : Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ;
- Quy chế KH&CN : Quy chế Quản lý nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ (QC.02.05.12);

- CNĐT : Chủ nhiệm đề tài, chủ nhiệm nhiệm vụ;
- ĐVCT : Đơn vị chủ trì, Đơn vị chủ trì đề tài/nhiệm vụ KH&CN.

4. NỘI DUNG

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hình thức tổ chức Quỹ KH&CN

Quỹ KH&CN được tổ chức theo hình thức là không thành lập tổ chức Quỹ KH&CN và do nhân sự của Công ty kiêm nhiệm thực hiện các hoạt động của Quỹ KH&CN.

Điều 2. Mục đích thành lập

Quỹ KH&CN được hình thành để phục vụ cho các nhiệm vụ và hoạt động KH&CN của Công ty nhằm nâng cao sức cạnh tranh thông qua hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

Điều 3. Nguồn hình thành Quỹ KH&CN

1. Quỹ KH&CN được trích từ thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ tính thuế và mức trích không được vượt quá 10% của nguồn này. Giá trị cụ thể sẽ do HĐQT phê duyệt tùy điều kiện tài chính từng năm và kế hoạch năm về nhiệm vụ KH&CN.

2. Thu nhập tính thuế TNDN được xác định theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Khi chưa trích lập Quỹ KH&CN, kinh phí cho thực hiện các hoạt động KH&CN theo quy định của Điều lệ này được sử dụng nguồn chi phí sản xuất kinh doanh.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị, cá nhân quản lý Quỹ

1. Chủ tịch HĐQT:

   a) Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc chỉ đạo, quản lý và điều hành mọi mặt hoạt động của Quỹ KH&CN;

   b) Ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và Báo cáo về trích lập, điều chuyển và sử dụng hàng năm của Quỹ;

   c) Chỉ đạo các đơn vị tìm kiếm đối tác, thu hút các nguồn tài trợ và thực hiện các hoạt động để phát triển vốn của Quỹ KH&CN phù hợp với pháp luật của Nhà nước và các quy định của Công ty;

2. Tổng Giám đốc:

a) Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, huy động vốn, tiếp nhận các nguồn vốn KH&CN với HĐQT;

b) Quản lý và sử dụng Quỹ KH&CN của Công ty để thực hiện các hoạt động KH&CN theo kế hoạch đã được phê duyệt, đúng quy định và hiệu quả;

c) Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí của Quỹ.

3. Hội đồng KH&CN:

a) Thực hiện chức năng và nhiệm vụ quản lý KH&CN như được quy định tại Quy chế KH&CN;

b) Thực hiện nhiệm vụ đánh giá xét chọn và đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN làm cơ sở cho việc trích lập và sử dụng Quỹ KH&CN.

4. TR&D:

a) Thực hiện chức năng và nhiệm vụ về công tác quản lý KH&CN như được quy định tại Quy chế KH&CN;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN và chi quản lý quỹ hàng năm của Công ty, làm cơ sở trích lập Quỹ KH&CN và trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt;

c) Lập đề nghị và trình Chủ tịch HĐQT duyệt chi phí quản lý nhiệm vụ KH&CN với các nội dung như được quy định tại Điều 15 của Điều lệ này;

d) Tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển KH&CN;

e) Tổ chức đào tạo nhân lực KH&CN, hợp tác về KH&CN;

f) Chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực KH&CN và dự toán cho hoạt động đào tạo nhân lực KH&CN hàng năm và trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt;

g) Chủ trì và phối hợp với P.TCKT đề xuất, trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt và ban hành định mức chi hoạt động quản lý Quỹ và tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ.

5. Phòng TCKT:

a) Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ tài chính kế toán, thanh quyết toán,

báo cáo trích lập / điều chuyển / sử dụng, cân đối... Quỹ KH&CN theo đúng quy định của pháp luật và của Công ty;

b) Quản lý tài chính Quỹ;

c) Hạch toán kế toán ghi nhận việc trích, sử dụng Quỹ theo quy định;

d) Báo cáo TGĐ và thực hiện xử lý Quỹ khi Công ty không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích theo quy định;

e) Chủ trì và phối hợp với TR&D / các Đơn vị liên quan khác (nếu có) lập báo cáo trích, sử dụng Quỹ KH&CN và gửi đến các cơ quan chức năng (cơ quan thuế nơi Công ty đăng ký nộp thuế TNDN, Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính) theo quy định.

Chương II
NỘI DUNG CHI CỦA QUỸ

Điều 5. Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

1. Các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo Quy chế KH&CN và các quy định liên quan khác của Công ty;

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được chi cho các nội dung đã được Hội đồng KH&CN thẩm định theo quy định tại Điều lệ này;

Điều 6. Hỗ trợ phát triển KH&CN

1. Trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hoạt động KH&CN: Xây dựng các đơn vị tổ chức nghiên cứu phát triển, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ; chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ; chi khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ; các hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

2. Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: Bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; sáng kiến; các tài liệu, kết quả nghiên cứu, sản phẩm có liên quan trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

3. Mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công

nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của Công ty;

4. Trả tiền công, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức KH&CN khác để thực hiện các hoạt động KH&CN;

5. Tổ chức và thực hiện các hoạt động sáng kiến theo quy định của pháp luật về sáng kiến;

6. Chi cho đánh giá, thử nghiệm, kiểm chuẩn; chi phí quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ;

7. Các khoản chi nghiên cứu thực hiện dự án, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhưng sản phẩm mới không tiêu thụ được hoặc các dự án này không tiếp tục triển khai và được HĐKH&CN xác định vì nguyên nhân khách quan.

Điều 7. Đào tạo nhân lực KH&CN

1. Hoạt động đào tạo nhân lực KH&CN được thực hiện theo các nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng như sau: Đào tạo bằng cấp tại các cơ sở giáo dục đại học; Đào tạo theo nhóm nghiên cứu; Đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm, các lĩnh vực KH&CN mới; Nghiên cứu sau đại học; Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý KH&CN.

2. Việc đào tạo, bồi dưỡng thực hiện thông qua các hình thức ngắn hạn, dài hạn ở trong nước và nước ngoài; thực tập, làm việc ở các tổ chức KH&CN có uy tín trong nước và nước ngoài; tham gia triển khai các nhiệm vụ KH&CN.

3. TR&D chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực KH&CN và dự trù kinh phí cho hoạt động đào tạo nhân lực KH&CN hàng năm và trình TGĐ phê duyệt.

Điều 8. Hoạt động hợp tác về KH&CN

1. Các hoạt động hợp tác về KH&CN với các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong nước và ngoài nước: Hoạt động khảo sát, tìm kiếm đối tác, nhu cầu công nghệ trong nước và ngoài nước; các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu chung theo lĩnh vực KH&CN được Nhà nước khuyến khích, ưu tiên.

2. Tùy theo các lĩnh vực hợp tác về KH&CN, công tác triển khai hợp tác về KH&CN với các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước được thực hiện theo các hình thức như sau:

a) Đặt hàng nghiên cứu khoa học cho các tổ chức nghiên cứu và triển khai theo hình thức hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

b) Chuyển giao công nghệ theo hợp đồng chuyển giao công nghệ;

c) Đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực KH&CN theo hợp đồng đào tạo;

d) Thuê tư vấn về đổi mới công nghệ theo hợp đồng tư vấn;

e) Hợp tác nghiên cứu KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN cụ thể hoặc theo các lĩnh vực KH&CN thuộc cụm ngành, chuỗi sản xuất các sản phẩm mang lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Điều 9. Hoạt động quản lý Quỹ

1. Chi phụ cấp cho các cán bộ kiêm nhiệm;
2. Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ;
3. Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của Quỹ;
4. Chi cho các hoạt động của HĐKH&CN;
5. Chi phí thuê chuyên gia đánh giá cho HĐKH&CN;
6. Chi các khoản công tác phí phát sinh đi làm các nhiệm vụ của Quỹ;
7. Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Chương III
QUẢN LÝ QUỸ

Điều 10. Quản lý tài chính Quỹ

1. Quỹ KH&CN chỉ được sử dụng cho hoạt động đầu tư KH&CN của Công ty theo các nội dung quy định tại Chương II của Điều lệ này.

2. Trường hợp trong năm bất kỳ, Công ty có nhu cầu sử dụng cho hoạt động KH&CN vượt mức số dư hiện có tại Quỹ KH&CN thì phần chênh lệch còn lại giữa số thực chi và số đã trích Quỹ KH&CN được lựa chọn hoặc lấy từ số trích lập Quỹ KH&CN của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu hoặc tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế.

Điều 11. Quản lý tài sản hình thành từ Quỹ

Tài sản hình thành từ Quỹ sẽ được quản lý theo quy định tại Điều 13 Thông tư 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC và các quy định của Công ty về quản lý tài sản.

Điều 12. Xử lý Quỹ KH&CN khi Công ty không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

Phòng TCKT thực hiện xử lý Quỹ KH&CN khi Công ty không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích theo quy định tại Điều 14 Thông tư 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC và các quy định của Công ty.

Điều 13. Báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ KH&CN

1. Hàng năm, Công ty lập Báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ KH&CN theo Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC.

2. Báo cáo việc trích, sử dụng Quỹ KH&CN sẽ được P.TCKT lập, gửi đến các cơ quan chức năng. Trong đó, P.TCKT sẽ gửi Báo cáo này cho Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài chính; TR&D sẽ gửi Báo cáo này cho Sở Khoa học và Công nghệ. Thời hạn nộp cùng thời điểm nộp báo cáo quyết toán thuế TNDN.

Chương IV
SỬ DỤNG QUỸ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 14. Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

ĐVCT, CNĐT xây dựng thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định, trong đó: mô tả các sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ, nội dung của các phần công việc, căn cứ để xây dựng dự toán thực hiện các phần công việc; đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần, trong đó xác định rõ phần công việc khoán, phần công việc không khoán.

1. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN:
   a) Công lao động;
   b) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu;
   c) Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu;
   d) Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại ĐVCT; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ

KH&CN của ĐVCT.);

e) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu (Trường hợp nhóm thực hiện đề tài gồm các nhân sự của Công ty, chi phí này sẽ được sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh. Trường hợp nhóm thực hiện đề tài có các đối tác bên ngoài, chi phí này sẽ được đưa vào Dự toán kinh phí cho đề tài để xét dyệt);

f) Chi phí thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu;

g) Chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động KH&CN của đề tài;

h) Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan;

i) Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có);

j) Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động KH&CN được lập trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty; các nội dung chi chưa có định mức kinh tế kỹ thuật phải có thuyết minh cụ thể đề xuất mức dự toán.

Điều 15. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Chi hoạt động của các Hội đồng KH&CN.

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng KH&CN;

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

e) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (nếu có).

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra (trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN do cá nhân/ tổ chức bên ngoài Công ty làm CNĐT/ĐVCT, đoàn kiểm tra do Công ty thành lập);

b) Chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 16. Khoán thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Nhiệm vụ KH&CN được khoán chi theo một trong hai phương thức sau:

a) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng;

b) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần.

2. Nhiệm vụ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhiệm vụ CNĐT và ĐVCT thuyết minh và đề xuất thực hiện phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng;

b) Sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ đã được xác định rõ tên sản phẩm cụ thể; chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được; số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra; địa chỉ ứng dụng.

3. Các nhiệm vụ không đủ điều kiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng thì thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần. Các phần công việc khoán chi, phần công việc không khoán chi được xác định trên cơ sở thuyết minh của ĐVCT và CNĐT.

a) Các phần công việc được giao khoán

(i) Công lao động trực tiếp, gồm: công lao động cho các chức danh nghiên cứu; thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia

ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ.

(ii) Hội thảo khoa học, công tác trong nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

(iii) Điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

(iv) Mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng phục vụ hoạt động nghiên cứu đã được Công ty ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

(v) Mua dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo; dịch vụ thuê ngoài; văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu.

(vi) Các công việc khác liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ.

b) Các phần công việc không được giao khoán

(i) Mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu (vật liệu, hóa chất), phụ tùng phục vụ hoạt động nghiên cứu chưa được Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền của nhà nước ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

(ii) Sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, bao gồm: Mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu; sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu; thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu; khấu hao tài sản cố định.

(iii) Đoàn ra (Đoàn ra nước ngoài công tác).

Điều 17. Cơ sở xét duyệt kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

HĐKH&CN xét duyệt kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo các cơ sở sau đây:

1. Hồ sơ đăng ký do tổ chức / cá nhân chủ trì lập;
2. Ý kiến của các thành viên HĐKH&CN;
3. Tính cấp thiết, yêu cầu tiến độ thực hiện của nhiệm vụ KH&CN;
4. So sánh với kinh phí các nhiệm vụ KH&CN tương tự khác.

Điều 18. Sử dụng Quỹ KH&CN

1. Các khoản chi từ Quỹ KH&CN phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định;

2. Cơ sở duyệt chi tạm ứng kinh phí và thanh toán kinh phí dựa theo tiến độ cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được quy định trong Hợp đồng hoặc Quyết định phê duyệt nhiệm vụ;

3. Các khoản chi đã được bảo đảm từ nguồn Quỹ KH&CN không được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

Điều 19. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tạm ứng kinh phí lần đầu: Sau khi Công ty ban hành quyết định giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng KH&CN, tổ chức / cá nhân chủ trì lập dự trù kinh phí tạm ứng (tối đa 30% kinh phí được duyệt) trên cơ sở các công việc cần triển khai trước tiên (hợp đồng kinh tế mua vật tư, thiết bị, thuê chuyên gia…) để Công ty cấp tạm ứng kinh phí lần đầu.

2. Tạm ứng kinh phí các lần sau (tổng giá trị tạm ứng các lần sau tính đến thời điểm đánh giá nghiệm thu không quá 40% kinh phí được duyệt).

Tổ chức / cá nhân chủ trì lập báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN, sử dụng kinh phí tạm ứng lần trước, đề xuất mức tạm ứng tiếp để Công ty xem xét cấp thêm kinh phí. Việc sử dụng kinh phí phải tuân thủ các quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.

Công ty không cấp tạm ứng các lần sau nếu báo cáo đề nghị tạm ứng không được thông qua hoặc tiến độ thực tế hoàn thành các sản phẩm công việc (trong phạm vi tạm ứng lần trước) chậm vượt quá 150% tiến độ nêu trong hồ sơ đăng ký được duyệt.

Việc xét duyệt tạm ứng kinh phí sẽ được quy định cụ thể tại Quy trình quản lý và thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Công ty.

3. Số kinh phí còn lại được thanh quyết toán theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.

Điều 20. Sử dụng kinh phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Đối với kinh phí được giao khoán:

   a) Căn cứ vào các nội dung nhiệm vụ, công việc được nêu trong Hợp đồng hoặc Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN hoặc thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt, CNĐT xây dựng phương án triển khai các nội dung công việc được giao khoán, trình trưởng ĐVCT phê duyệt trước khi triển khai và đảm bảo thực hiện một cách có hiệu

quả kinh phí giao khoán để đạt được các yêu cầu về khoa học theo Hợp đồng / Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

b) ĐVCT, CNĐT phải sử dụng đúng mục đích kinh phí được giao khoán và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Đối với kinh phí không được giao khoán:

ĐVCT thực hiện quản lý và chi tiêu các mục chi, nội dung chi, định mức chi nêu trong Hợp đồng hoặc trong Quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN hoặc tại thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt (nếu có) theo các quy định hiện hành.

3. Điều chỉnh kinh phí: Việc điều chỉnh kinh phí được xem xét trên cơ sở đề xuất của ĐVCT/CNĐT. Trường hợp điều chỉnh tăng, TGĐ xem xét quyết định trên cơ sở lấy ý kiến tư vấn của HĐKH&CN và khả năng cân đối kinh phí từ Quỹ KH&CN.

Điều 21. Thanh quyết toán, thu hồi kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trường hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng KH&CN đánh giá kết luận từ mức "***Đạt***" trở lên.

a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi Hội đồng KH&CN nghiệm thu, tổ chức / cá nhân chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo, sản phẩm nhiệm vụ KH&CN theo các góp ý (nếu có) trong quá trình nghiệm thu, thực hiện nộp lưu trữ theo quy định của Quy chế KH&CN và gửi hồ sơ thanh quyết toán cho Công ty để tiến hành thủ tục thanh quyết toán;

b) Việc xem xét, kiểm tra và triển khai các thủ tục thanh quyết toán được thực hiện trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán của tổ chức / cá nhân chủ trì bao gồm các thành phần quy định tại Khoản 3 của Điều này;

c) Nhiệm vụ KH&CN chỉ được xem là hoàn thành sau khi đã được nghiệm thu, quyết toán, thực hiện xong các thú tục thanh lý Hợp đồng KH&CN (đối với trường hợp ký hợp đồng) và có đầy đú các hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 của Điều này.

2. Trường hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng KH&CN đánh giá kết luận "***Không đạt***" hoặc bị đình chỉ trong quá trình thực hiện, nhiệm vụ KH&CN sẽ không được nghiệm thu và kinh phí được thu hồi như sau:

a) Hoàn trả toàn bộ số kinh phí của nhiệm vụ đã được cấp nhưng chưa sử dụng;

b) Đối với phần kinh phí của nhiệm vụ đã sử dụng, TR&D chủ trì cùng các bên liên quan (ĐVCT/CNĐT, P.TCKT) căn cứ vào tình hình, nguyên nhân để xác định, thống nhất mức thu hồi kinh phí, căn cứ theo quy định tài chính của Công ty và các quy định hiện hành.

3. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí đối với trường hợp tại Khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán theo quy định (bản gốc);

b) Biên bản họp xét chọn nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

c) Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoặc Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

d) Quyết định gia hạn thực hiện nhiệm vụ (nếu có) (bản gốc);

e) Phiếu đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN của mỗi thành viên trong Hội đồng KH&CN (bản gốc);

f) Biên bản họp nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

g) Biên bản bàn giao sản phẩm/kết quả nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

h) Quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN (bản photo);

i) Biên bản nghiệm thu khối lượng theo biểu mẫu BM.QC.02.05.09.18 làm cơ sở xác định giá trị / tỷ lệ thanh toán hoặc thu hồi kinh phí thực hiện nhiệm vụ (bản gốc);

j) Biên bản thanh toán và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN BM.QC.02.05.09.19a (bản gốc) (đối với trường hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng) hoặc *Biên bản thanh quyết toán nhiệm vụ KH&CN* BM.QC.02.05.09.19b (bản gốc) (đối với trường hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quyết định);

k) Hóa đơn và chứng từ chi đối với phần kinh phí không khoán đã sử dụng (bản gốc).

4. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí đối với trường hợp tại Khoản 2 Điều này bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán theo quy định (bản gốc);

b) Biên bản họp xét chọn nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

c) Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoặc Quyết định giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

d) Quyết định gia hạn thực hiện nhiệm vụ (nếu có) (bản gốc);

e) Phiếu đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN của mỗi thành viên trong Hội đồng KH&CN (bản gốc) (đối với trường hợp nghiệm thu "Không đạt");

f) Biên bản họp nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN (bản gốc) (đối với trường hợp nghiệm thu "Không đạt");

g) Biên bản chấm dứt thực hiện nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

h) Biên bản bàn giao sản phẩm/kết quả nhiệm vụ KH&CN (bản gốc);

i) Biên bản nghiệm thu khối lượng theo biểu mẫu BM.QC.02.05.09.18 làm cơ sở xác định giá trị / tỷ lệ thanh toán hoặc thu hồi kinh phí thực hiện nhiệm vụ (bản gốc);

j) Biên bản thanh toán và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN BM.QC.02.05.09.19a (bản gốc) (đối với trường hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng) hoặc Biên bản thanh quyết toán nhiệm vụ KH&CN BM.QC.02.05.09.19b (bản gốc) (đối với trường hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quyết định);

k) Hóa đơn và chứng từ chi đối với phần kinh phí không khoán đã sử dụng (bản gốc).

Chương V
SỬ DỤNG QUỸ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KH&CN KHÁC

Điều 22. Sử dụng Quỹ trong hỗ trợ phát triển KH&CN

1. Việc đầu tư xây dựng các bộ phận nghiên cứu phát triển, phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu của Công ty và thống kê về hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Điều lệ này được thực hiện theo quy trình và thủ tục của các dự án đầu tư và được TGĐ phê duyệt theo quy định.

2. Việc mua quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Điều lệ này thực hiện dựa trên một trong hai cơ sở sau:

a) Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được HĐKH&CN xét chọn, thẩm định về nội dung và kinh phí theo Quy chế KH&CN và các quy định liên quan khác;

b) Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng,

quyền sở hữu giữa Công ty và cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng, quyền sở hữu.

3. Việc đầu tư mua máy móc, thiết bị có kèm theo các đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Điều lệ này được thực hiện theo quy trình và thủ tục của các dự án đầu tư và được TGĐ phê duyệt theo quy định.

4. Đối với các nội dung chi theo quy định tại các Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 và Khoản 7 Điều 6 của Điều lệ này, các tổ chức/cá nhân được giao chủ trì chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí trình TGĐ phê duyệt.

Điều 23. Sử dụng Quỹ trong đào tạo nhân lực KH&CN

Nội dung chi cho các hoạt động đào tạo nhân lực KH&CN được quy định tại Điều 7 của Điều lệ này. Việc sử dụng Quỹ cho các hoạt động đào tạo nhân lực KH&CN phải được thực hiện theo kế hoạch đào tạo nhân lực KH&CN hàng năm đã được TGĐ phê duyệt.

Điều 24. Sử dụng Quỹ trong hoạt động hợp tác về KH&CN

Đối với các hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ nêu tại Điều 8 của Điều lệ này, ĐVCT có trách nhiệm phối hợp với đối tác để xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN. Các nhiệm vụ KH&CN này thực hiện quy trình xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí, đánh giá nghiệm thu theo quy định của Quy chế KH&CN và các quy định khác có liên quan.

Điều 25. Sử dụng Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ KH&CN

1. Nội dung chi cho hoạt động quản lý Quỹ được quy định tại Điều 9 của Điều lệ này.

2. Định mức chi hoạt động quản lý Quỹ và tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ sẽ được TR&D phối hợp với Phòng TCKT đề xuất, trình CT HĐQT phê duyệt và ban hành.

Chương VI
QUY ĐỊNH VỀ THƯỞNG TRONG HOẠT ĐỘNG KH&CN

Điều 26. Thưởng theo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá nghiệm thu loại "Xuất sắc" và đáp ứng yêu cầu hoàn thành theo quy định tại Quy chế này được đề nghị khen thưởng theo các hình thức khen thưởng (bao gồm cả thưởng tiền) theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ về khen thưởng của Công ty.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này được ban hành theo Quyết định thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 thừa uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021 ban hành theo Quyết định số /QĐ-PECC2 của HĐQT và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (QC.01.05.01/20) ban hành theo quyết định số 885/QĐ-TV2 ngày 31/07/2020 của HĐQT.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, HĐQT sẽ quyết định điều chỉnh bổ sung Điều lệ cho phù hợp với tình hình thực tế./.